CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ PP ENTERPRISE

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 năm 2025

CÔNG TY C˚ PHЫN Th Vţ N ņ ЫU Th PP ENTERPRISE

Digitally signed by CÔNG TY C˚ PHЫN Th Vţ N ņ ЫU Th PP ENTERPRISE
DN: cn=CÔNG TY C˚ PHЫN Th Vţ N ņ ЫU Th PP ENTERPRISE c=VN
Reason: BCTC Q3. 2025
Location:
Date: 2025-10-20 17:15+07:00

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	2-3
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	4
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	5
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	6-13

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/09/2025	01/01/2025
A . TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**23.096.865.537**	**11.526.644.682**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**IV.1**	**11.415.909.479**	**3.584.764.211**
1. Tiền	111		915.909.479	2.680.896.185
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.500.000.000	903.868.026
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**0**	**7.303.107.526**
1. Chứng khoán kinh doanh	121		0	2.316.709.328
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		0	(13.601.802)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		0	5.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**11.576.823.629**	**620.348.251**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	IV.2	10.917.481.954	0
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	IV.3	167.500.000	0
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	IV.4	491.841.675	620.348.251
IV. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**104.132.429**	**18.424.694**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		7.549.288	7.700.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		7.930.350	7.930.350
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	IV.9	88.652.791	2.794.344
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**612.357.684**	**5.250.000.000**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**110**		**0**	**5.250.000.000**
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215		0	5.250.000.000
II. Tài sản cố định	**220**		**338.854.496**	**0**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	IV.6	338.854.496	0
Nguyên giá	*222*		*365.093.749*	*0*
Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(26.239.253)*	*0*
III. Tài sản dở dang dài hạn	**240**	**IV.5**	**55.000.000**	**0**
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		55.000.000	0
IV. Tài sản dài hạn khác	**260**		**218.503.189**	**0**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		146.905	0
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		22.373.289	0
3. Lợi thế thương mại	269		195.982.995	0
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**23.709.223.221**	**16.776.644.682**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/09/2025	01/01/2025
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**7.228.577.668**	**2.548.737.107**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**7.228.577.668**	**2.548.737.107**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	IV.7	4.179.158.516	0
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	IV.8	1.606.085.695	1.301.389.617
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	IV.9	621.793.580	571.279.926
4. Phải trả người lao động	314		7.550.225	6.996.052
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	IV.10	805.400.389	663.846.250
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		8.589.264	5.225.262
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**16.480.645.553**	**14.227.907.575**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**IV.11**	**16.480.645.553**	**14.227.907.575**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		20.000.000.000	20.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*20.000.000.000*	*20.000.000.000*
- Cổ phiếu ưu đãi	*411b*		*0*	*0*
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		146.866.588	146.866.588
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(5.709.254.108)	(5.918.959.013)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(5.918.959.013)	(8.987.995.518)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		209.704.905	3.069.036.505
4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		2.043.033.073	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**23.709.223.221**	**16.776.644.682**

Người lập biểu / Kế toán trưởng

Kiều Anh Tuyên

Ngày 18 tháng 10 năm 2025

Chủ tịch Hội đồng quản trị

M.S.D.N: 0102403985 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ PP ENTERPRISE - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Trần Đức Hiệp

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý 3 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 3		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**V.1**	**67.892.573.499**	**4.628.042.377**	**67.892.573.499**	**5.833.760.977**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		105.847.123	901.897.600	105.847.123	901.897.600
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	**10**	**V.1**	**67.786.726.376**	**3.726.144.777**	**67.786.726.376**	**4.931.863.377**
4. Giá vốn hàng bán	11	V.2	66.822.816.413	3.676.639.665	66.822.816.413	4.879.745.505
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		**963.909.963**	**49.505.112**	**963.909.963**	**52.117.872**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.3	53.253.573	630.805.983	642.960.035	1.414.165.844
7. Chi phí tài chính	22	V.4	39.600	120.049.720	207.441.317	323.904.275
Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*0*	*27.271.767*	*202.606.308*	*49.110.740*
8. Chi phí bán hàng	25	V.5	99.207.383	0	102.364.787	0
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	V.5	608.617.236	208.987.758	812.501.833	448.049.860
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**309.299.317**	**351.273.617**	**484.562.061**	**694.329.581**
11. Thu nhập khác	31		0	190.374.834	0	195.209.436
12. Chi phí khác	32		0	1.516.800	0	2.122.061
13. Lợi nhuận khác	**40**		**0**	**188.858.034**	**0**	**193.087.375**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**309.299.317**	**540.131.651**	**484.562.061**	**887.416.956**
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.6	124.552.270	20.207.444	124.552.270	20.207.444
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.7	382.801	0	382.801	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**		**184.364.246**	**519.924.207**	**359.626.990**	**867.209.512**
18. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		34.442.161	519.924.207	209.704.905	867.209.512
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		149.922.086	0	149.922.086	0
20. Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	**70**	**V.8**	**17**	**260**	**105**	**434**

Người lập biểu / Kế toán trưởng

Kiều Anh Tuyên

Ngày 18 tháng 10 năm 2025

Chủ tịch Hội đồng quản trị

M.S.D.N:0102403985 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ PP ENTERPRISE THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Trần Đức Hiệp

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Quý 3 năm 2025

Đơn vị tính:VND

Chỉ tiêu	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	**01**	**484.562.061**	**887.416.956**
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	12.588.979	0
- Các khoản dự phòng	03	(13.601.802)	0
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(509.184.980)	(397.084.189)
- Chi phí lãi vay	06	202.606.308	49.110.740
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	**08**	**176.970.566**	**539.443.507**
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	985.006.417	7.640.890.766
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	601.266.481	0
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	(4.204.924.561)	(287.259.546)
- Tăng/(giảm) chi phí trả trước	12	3.804.604	3.799.997
- Tăng/(giảm) chứng khoán kinh doanh	13	2.316.709.328	(543.619.405)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(202.606.308)	(49.110.740)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(568.209.852)	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**	**(891.983.325)**	**7.304.144.579**
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(219.400.000)	**0**
- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	0	(10.250.000.000)
- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	10.250.000.000	5.000.000.000
- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(44.458.468.816)	0
- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	42.594.000.000	0
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	556.997.409	338.879.858
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**	**8.723.128.593**	**(4.911.120.142)**
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**	**0**	**0**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	**50**	**7.831.145.268**	**2.393.024.437**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**	**3.584.764.211**	**3.391.407.676**
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**70**	**11.415.909.479**	**5.784.432.113**

Người lập biểu / Kế toán trưởng

Kiều Anh Tuyên

Chủ tịch Hội đồng quản trị

M.S.D.N:0102403985-C.T.C.P * CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ PP ENTERPRISE * THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Trần Đức Hiệp

Ngày 18 tháng 10 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư PP Enterprise (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102403985 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 10 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 17 được cấp ngày 20 tháng 02 năm 2025.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch tại sàn giao dịch HNX từ ngày 21 tháng 9 năm 2011.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2025 là 1 (tại ngày 30 tháng 09 năm 2024 là 2).

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ hiện tại là đầu tư tài chính và bán buôn vật liệu xây dựng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về các công ty con/công ty liên kết của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2025 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty con				
Công ty TNHH Hòa Bình Minh Nghệ An	Tỉnh Nghệ An	70	70	Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: Bán buôn, bán lẻ sắt, thép

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ 01/01 và kết thúc ngày 31/12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi có bằng chứng giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá gốc theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và khó có khả năng thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

(b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và

(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Hội đồng Quản trị phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Hội đồng Quản trị, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/09/2025 VND	01/01/2025 VND
Tiền mặt	227.426.059	0
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	688.483.420	2.141.049.935
Tiền đang chuyển	0	539.846.250
Các khoản tương đương tiền	10.500.000.000	903.868.026
Cộng	**11.415.909.479**	**3.584.764.211**

2. Phải thu của khách hàng

	30/09/2025 VND	01/01/2025 VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	**10.917.481.954**	**0**
Công ty TNHH Thương mại Sơn Thanh	1.584.318.734	0
Công ty Cổ phần Nam Lộc	1.357.842.035	0
Các khách hàng khác	7.975.321.185	0
Cộng	**10.917.481.954**	**0**

3. Trả trước cho người bán

	30/09/2025 VND	01/01/2025 VND
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn	**167.500.000**	**0**
Công ty Cổ phần thiết kế và xây dựng Tấn Kiệt Greenhomes	105.000.000	0
Công ty Cổ phần Kiến trúc TLT	62.500.000	0
Cộng	**167.500.000**	**0**

4. Phải thu ngắn hạn khác

	30/09/2025 VND	01/01/2025 VND
Phải thu về chiết khấu hàng hóa	490.460.853	0
Dự thu lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.380.822	283.193.251
Phải thu tiền chuyển nhượng chứng khoán	0	337.155.000
Cộng	**491.841.675**	**620.348.251**

5. Tài sản dở dang dài hạn

	30/09/2025 VND	01/01/2025 VND
a. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn	**55.000.000**	**0**
Xây dựng cơ bản	55.000.000	0
Cộng	**55.000.000**	**0**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Tổng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu kỳ	0	0	0
Tăng trong kỳ	239.827.082	125.266.667	365.093.749
Số dư cuối kỳ	239.827.082	125.266.667	365.093.749
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu kỳ	0	0	0
Tăng trong kỳ	7.881.641	12.526.667	20.408.308
Khấu hao trong kỳ	2.251.897	3.579.048	5.830.945
Số dư cuối kỳ	10.133.539	16.105.714	26.239.253
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	**0**	**0**	**0**
Tại ngày cuối năm	**229.693.543**	**109.160.953**	**338.854.496**

7. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/09/2025	01/01/2025
	VND	VND
Chi nhánh Việt Trì - Công ty TNHH TCT Hoà Bình Minh	4.141.209.258	0
Các nhà cung cấp khác	37.949.258	0
Cộng	**4.179.158.516**	**0**

8. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/09/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ban quản lý dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	1.188.261.442	1.218.261.442
Doanh nghiệp tư nhân Hoàng An	334.671.453	0
Các khách hàng khác	83.152.800	83.128.175
Cộng	**1.606.085.695**	**1.301.389.617**

9. Thuế và các khoản phải nộp/phải thu Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2025	Số phải nộp/ giảm trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/09/2025
Phải nộp	**571.279.926**	**914.597.987**	**864.084.333**	**621.793.580**
Thuế giá trị gia tăng	0	171.398.657	123.772.477	47.626.180
Thuế thu nhập cá nhân	275.730	169.411.166	169.102.004	584.892
Thuế thu nhập doanh nghiệp	571.004.196	570.788.164	568.209.852	573.582.508
Thuế môn bài	0	3.000.000	3.000.000	0
Phải thu	**2.794.344**	**85.858.447**	**0**	**88.652.791**
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.794.344	(2.794.344)	0	0
Thuế thu nhập cá nhân	0	1.664.065	0	1.664.065
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	0	86.988.726	0	86.988.726

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

10. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/09/2025 VND	01/01/2025 VND
Dự chi chiết khấu thương mại phải trả	555.160.723	0
Chi phí kiểm toán	170.500.000	94.000.000
Chứng khoán chờ thanh toán	0	539.846.250
Chi phí trích trước khác	79.739.666	30.000.000
Cộng	**805.400.389**	**663.846.250**

11. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	**20.000.000.000**	**146.866.588**	**(8.987.995.518)**	**0**	**11.158.871.070**
Lãi trong năm trước			3.069.036.505	0	3.069.036.505
Số dư cuối năm trước	**20.000.000.000**	**146.866.588**	**(5.918.959.013)**	**0**	**14.227.907.575**
Số dư đầu năm nay	**20.000.000.000**	**146.866.588**	**(5.918.959.013)**	**0**	**14.227.907.575**
Tăng khác				1.893.110.988	1.893.110.988
Lãi trong năm nay			209.704.905	149.922.086	359.626.990
Số dư cuối quý này	**20.000.000.000**	**146.866.588**	**(5.709.254.108)**	**2.043.033.073**	**16.480.645.553**

b) Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh gần nhất, vốn điều lệ của Công ty là 20.000.000.000 VND. Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ.

c) Cổ phiếu

	30/09/2025 Cổ phiếu	01/01/2025 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	**2.000.000**	**2.000.000**
- Cổ phiếu phổ thông	2.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	**2.000.000**	**2.000.000**
- Cổ phiếu phổ thông	2.000.000	2.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng (mười nghìn đồng).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý 3 năm 2025 VND	Quý 3 năm 2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán hàng hóa	67.869.773.499	4.628.042.377
Doanh thu cho thuê kho	22.800.000	0
Cộng	**67.892.573.499**	**4.628.042.377**
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán hàng hóa	67.763.926.376	3.726.144.777
Doanh thu cho thuê kho	22.800.000	0
Cộng	**67.786.726.376**	**3.726.144.777**

2. Giá vốn hàng bán

	Quý 3 năm 2025 VND	Quý 3 năm 2024 VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	66.822.816.413	3.676.639.665
Cộng	**66.822.816.413**	**3.676.639.665**

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý 3 năm 2025 VND	Quý 3 năm 2024 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	53.253.573	120.440.371
Lãi kinh doanh chứng khoán	0	510.365.612
Cộng	**53.253.573**	**630.805.983**

4. Chi phí tài chính

	Quý 3 năm 2025 VND	Quý 3 năm 2024 VND
Chi phí lãi vay	0	27.271.767
Lỗ kinh doanh chứng khoán	0	106.617.328
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	0	(14.008.332)
Chi phí tài chính khác	39.600	168.957
Cộng	**39.600**	**120.049.720**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

5. Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

	Quý 3 năm 2025	Quý 3 năm 2024
	VND	VND
Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên quản lý	79.479.903	0
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.727.480	0
Chi phí bằng tiền khác	14.000.000	0
Cộng	**99.207.383**	0
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	150.291.631	65.297.334
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.830.945	0
Chi phí dịch vụ mua ngoài	388.714.625	143.690.424
Chi phí bằng tiền khác	63.780.035	0
Cộng	**608.617.236**	**208.987.758**

6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	124.552.270	20.207.444
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	**124.552.270**	**20.207.444**

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải thuế	382.801	0
Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại	**382.801**	**0**

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	359.626.990	867.209.512
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	209.704.905	867.209.512
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.000.000	2.000.000
Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	**105**	**434**

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Quý 3 năm 2025	Quý 3 năm 2024
	VND	VND
Chi phí nhân công	229.771.534	65.297.334
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.830.945	0
Chi phí dịch vụ mua ngoài	394.442.105	143.690.424
Chi phí bằng tiền khác	77.780.035	0
Cộng	**707.824.619**	**208.987.758**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

Trong kỳ, các thành viên trong Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc không nhận thu nhập từ Công ty.

Trong kỳ, Công ty không phát sinh các nghiệp vụ quan trọng với các bên liên quan cần phải thuyết minh.

Người lập biểu / Kế toán trưởng	**Chủ tịch Hội đồng quản trị**
Kiều Anh Tuyên	**Trần Đức Hiệp**

Ngày 18 tháng 10 năm 2025